TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 318/2023/HC-PT
Ngày: 09 - 05 - 2023
V/v khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai và Quyết định giải quyết khiếu nại..

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Đình Lực;

Ông Trần Quang Minh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Nguyệt- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Lê Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và trụ sở Toà án nhân dân tỉnh T, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm, trực tuyến, công khai vụ án hành chính thụ lý số: 165/2023/TLPT-HC ngày 21 tháng 02 năm 2023, về việc "khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai và Quyết định giải quyết khiếu nại".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2022/HC-ST ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4361/2023/QĐPT-HC ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Mạnh H, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn PK, xã V, thành phố T, tỉnh T.

(vắng mặt)

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1962; trú tại: Thôn PK, xã V, thành phố T, tỉnh T.

(có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lại Văn H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Tiến S - Phó Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước - Sở Tư pháp T. (có mặt)

2.2. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Gia D - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T. (vắng mặt)

Người địa diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn Đ – Phó Chủ tịch UBND thành phố T, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Đình T - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T. (có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1962; chị Trần Thị Mai H, sinh năm 1983; chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1985. Đều trú tại: Thôn PK, xã V, thành phố T, tỉnh T.

(bà C có mặt, bà Hường vắng mặt, chị Hương có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, chị H, chị H: Bà Hoàng Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Hoàng Thị C trình bày:* Hộ gia đình ông bà gồm có ông Trần Mạnh H, bà Hoàng Thị C (vợ ông H) và các con là Trần Thị Mai Hư, Trần Thị Thu H, Trần Văn Đ (đã chết năm 1994). Hộ gia đình bà được chia tiêu chuẩn ruộng gồm 5 khẩu gồm ông H, bà, chị H, chị H và anh Đ, được cấp khoảng 2775m^2 ruộng. Tất cả diện tích đất ruộng trên của gia đình đều được chia ở ngoài đồng, không phân định rõ phần nào của ai, nhưng trong đó của anh Đ có 1 sào vì của anh Đ là được chia thêm. Ngày 05/8/2016, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố T

ban hành kế hoạch số 105/KH-UBND thu hồi 280.924,3m^2 đất thuộc địa giới hành chính xã V và phường PK, thành phố T. Theo đó, gia đình ông bà bị thu hồi 1179m^2 tại thửa 329 và 174 tờ bản đồ số 12, địa chỉ thôn PK, xã V, thành phố T. Số ruộng nhà nước thu hồi gồm tiêu chuẩn ruộng của cả hộ gia đình gồm ông H, bà C và 03 con.

Theo phương án bồi thường của UBND thành phố T, tại số thứ tự 260, gia đình ông bà được bồi thường, hỗ trợ 244.090.200 đồng tương đương 69.000.000 đồng/sào nhưng thực tế gia đình ông H được nhận 277.090.200 đồng tương đương 79.000.000đ/sào (do lúc đầu họ trả cho gia đình là 244 triệu, sau đó lại đưa thêm 33 triệu đồng và nói là bồi thường bù thêm 10 triệu/1 sào nhưng chỉ ký vào một số giấy tờ chứ không được giao biên bản giao nhận tiền). Số tiền bồi thường trên bao gồm trị giá đất và hoa màu trên đất hai lúa. Gia đình ông bà nhận số tiền bồi thường trên vào khoảng tháng 11/2018, do ông bà tin tưởng cán bộ Đảng viên của thôn xóm và chính quyền địa phương, tin tưởng vào chính sách của Đảng và Nhà nước nên ông bà không có ý kiến gì về giá bồi thường đất nông nghiệp.

Tuy nhiên, ông H thấy quá trình thu hồi, bồi thường hỗ trợ tái định cư do UBND thành phố T thực hiện tồn tại nhiều sai phạm, cụ thể:

- Thứ nhất, theo Thông báo số 221/TB-PTQĐ ngày 02/12/2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T, ông được biết UBND thành phố T sử dụng đất thu hồi của gia đình ông vào mục đích phát triển kinh tế xã hội, gia đình ông đã bàn giao ruộng canh tác cho UBND thành phố T. Sau đó, ông nhận thấy UBND thành phố T lại giao cho Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu T (sau đây gọi là công ty T) thực hiện dự án với tên gọi Khu đô thị mới, xã V, thành phố T, trong khi tại danh mục các công trình, dự án sử dụng đất năm 2013 tỉnh T (ban hành kèm theo công văn số 2824/BTNMT-TLQLĐĐ ngày 27/4/2013 của Bộ TN&MT về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh T) dự án tại xã V, thành phố T là dự án "Khu đô thị, thương mại dịch vụ". Quá trình thực hiện, Công ty T thực hiện phân lô, bán nền khu đất dự án. Căn cứ theo quy định tại Điều 62 Luật đất đai năm 2013, dự án mà Công ty T thực hiện không thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất mà thuộc trường hợp doanh nghiệp phải tự thỏa thuận, thương lượng với người dân trên cơ sở giao dịch dân sự quy định tại Điều 73 Luật đất đai 2013. Vì vậy, UBND thành phố T không có thẩm quyền thu hồi đất của gia đình ông, đồng nghĩa với các quyết định UBND

thành phố ban hành là trái pháp luật.

- Thứ hai, số tiền bồi thường chi trả cho các hộ dân được áp dụng nhiều mức giá khác nhau, những người chấp hành giao ruộng sớm thì được bồi thường thấp, những người không chấp hành thì được bồi thường cao. 40 hộ gia đình không đồng ý giao đất và nhận tiền bồi thường theo phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng của UBND thành phố thì các hộ này được bồi thường tiền thu hồi ruộng cao nhất là 175 triệu đồng/sào. Gia đình bà và các hộ gia đình khác đã có ý kiến với Ủy ban nhân dân xã và chính quyền thôn nhưng Ủy ban nhân dân xã và cán bộ thôn ép các ông bà buộc phải nhận số tiền bồi thường.

Ngày 13/12/2019 và 28/5/2020, ông H cùng các đại diện cho các hộ dân có đất bị thu hồi đã có đơn khiếu nại quyết định bồi thường hỗ trợ GPMB thực hiện dự án "Khu đô thị mới xã V" của UBND thành phố T, cụ thể: Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T (sau đây gọi là Quyết định 13577/QĐ-UBND); Quyết định 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019 của UBND thành phố T v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án; Quyết định 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của UBND thành phố T v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án; Quyết định 2282/QĐ-UBND ngày 13/7/2019 của UBND thành phố T v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: Xây dựng khu đô thị mới xã V, thành phố T.

Ngày 17/9/2020, Chủ tịch UBND thành phố T ra Quyết định số 3272/QĐ-UBND v/v giải quyết khiếu nại lần đầu bác toàn bộ nội dung khiếu nại, giữ nguyên các Quyết định 13577/QĐ-UBND; Quyết định 1185/QĐ-UBND và Quyết định 2282/QĐ-UBND. Không đồng ý với quyết định trên, ngày 21/10/2020 các hộ dân đã khiếu nại đối với Quyết định 3272/QĐ-UBND v/v giải quyết khiếu nại lần đầu. Ngày 05/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh T ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND v/v giải quyết khiếu nại lần 2 của bà Hoàng Thị T cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn PK, thôn Phúc Thượng, xã V, thành phố T v/v giải quyết khiếu nại lần đầu, giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố T. Việc giữ nguyên các quyết định giải quyết khiếu nại gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của gia đình ông. Dự án thực hiện là dự án tư nhân, có mục đích thương mại, kinh tế nhưng UBND thành phố T thu hồi đất và bồi thường đất theo giá Nhà nước, không

có bất kỳ sự thỏa thuận nào giữa người dân và chủ dự án là không đúng quy định của pháp luật đất đai và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Vì vậy, ông H khởi kiện đề nghị Tòa án hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T.

- Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần 1).

- Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần hai).

Ông H không có ý kiến gì về các quyết định thu hồi đất nhưng việc đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng không công bằng nên ông phải đòi hỏi quyền lợi, yêu cầu UBND thành phố T nâng mức bồi thường cho gia đình ông là 175.000.000 đồng/sào.

** Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:*

1. Về căn cứ, thẩm quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng:

Dự án Khu dân cư xã V, thành phố T được UBND tỉnh T phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012, đây là dự án đối ứng tạo nguồn thu từ giá trị quyền sử dụng đất để thanh toán cho công trình đường Kỳ Đồng kéo dài thành phố T, thực hiện theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) chủ đầu tư là Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu T. Dự án được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013. UBND tỉnh T có Văn bản số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 chấp thuận chủ đầu tư dự án. Hội đồng nhân dân tỉnh T có Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; Dự án có trong Kế hoạch sử dụng đất của thành phố T năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019 được UBND tỉnh T phê duyệt tại các quyết định: số 3292/QĐ-UBND ngày 31/12/2014, số 257/QĐ-UBND ngày 26/01/2016, số 247/QĐ-UBND ngày

20/01/2017, số 386/QĐ-UBND ngày 05/02/2018, số 588/QĐ-UBND ngày 25/02/2019.

Dự án có tổng diện tích đất quy hoạch là 31 ha, trong đó: đất công trình văn hóa 0,19 ha; đất công trình giáo dục 0,43 ha; đất công trình thể thao 0,38 ha; đất dịch vụ thương mại 0,98 ha; đất nhà ở liền kề 11,41 ha; đất xây dựng chung cư nhà ở xã hội 1,1 ha; đất nhà ở hiện trạng 0,47 ha; đất cây xanh, mặt nước 2,9 ha; đất đấu nối hạ tầng kỹ thuật 0,36 ha; đất giao thông 12,73 ha. Như vậy, Dự án khu dân cư mới xã V có mục đích để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng nên thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Dự án không thuộc trường hợp sử dụng đất thông qua hình thức nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để sản xuất kinh doanh quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ quy định tại Điều 62; Điều 66 và Điều 69 Luật đất đai 2013; Quyết định 1793/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của UBND tỉnh T v/v ủy quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, UBND thành phố ban hành Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình cá nhân và các Quyết định số: 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016; số 5458/QĐ-UBND ngày 19/12/2018; số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019; số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019; số 2282/QĐ-UBND ngày 13/7/2019 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án (trong đó có hộ ông Trần Mạnh H) là đúng căn cứ, đúng thẩm quyền quy định.

2. Về trình tự, thủ tục và chế độ chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất:

Ngày 05/8/2016, UBND thành phố T đã ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND về việc thu hồi đất; UBND thành phố T đã ban hành các thông báo thu hồi đất và gửi đến người có đất bị thu hồi thuộc dự án theo quy định. Ngày 31/8/2016 và ngày 11/9/2016, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố T phối hợp với UBND xã V, cơ sở thôn, các đơn vị có liên quan và đại diện các hộ dân có đất bị thu hồi họp để triển khai công tác giải phóng mặt bằng dự án; trong đó: đã triển khai kế hoạch, thông báo thu hồi đất, các quy định của pháp luật về giải phóng mặt bằng. Sau khi thống kê diện tích, chủ sử dụng đất, tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi, nhân khẩu nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án; kiểm

đếm tài sản, cây trồng trên đất; Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND xã V, cơ sở các thôn tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Xét đề nghị của các phòng, ban, đơn vị liên quan; UBND thành phố T đã ban hành các Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án và ban hành các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, số 5484/QĐ-UBND ngày 19/12/2018, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019, Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 03/7/2019) theo quy định. Các Quyết định thu hồi đất được gửi tới các hộ dân; Phương án bồi thường, hỗ trợ được thực hiện lập, phê duyệt theo đúng đơn giá quy định tại Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014, Quyết định 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016, Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh T, Công văn số 1346/UBND-NNTNMT ngày 07/5/2015 của UBND tỉnh T và thống nhất chung cho tất cả các hộ dân trong cùng dự án và được thực hiện niêm yết công khai theo quy định. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T đã phối hợp với UBND xã V thông báo và tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân (trong đó có hộ ông Trần Mạnh H) theo đúng phương án được phê duyệt.

3. Về việc thực hiện chính sách hỗ trợ khác trong công tác giải phóng mặt bằng cho các hộ gia đình cá nhân có đất nông nghiệp tại xã có đất bị thu hồi từ 1.093m^2 trở lên: Thực hiện Văn bản số 3089/UBND-KTTNMT ngày 29/6/2020 của UBND tỉnh T về hỗ trợ khác trong công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố T, UBND thành phố đã có Quyết định số 3562/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 phê duyệt phương án hỗ trợ khác trong công tác giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã V và thực hiện chi trả tiền theo quy định (trong đó có hộ ông Trần Mạnh H).

4. Về việc thay đổi tên dự án: Tại số thứ tự 154, danh mục các công trình, dự án sử dụng đất năm 2013 tỉnh T ban hành kèm theo Công văn số 2824/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 24/7/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chuyển mục đích đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh T (được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chấp thuận tại văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 29/3/2013) tên dự án,

công trình là dự án Khu đô thị, thương mại, dịch vụ xã V, thành phố T tổng diện tích 31ha, trong đó đất trồng lúa 25,7ha. Tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của UBND T về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư V, thành phố T dự án có tổng diện tích đất quy hoạch là 31ha. Về thực chất Khu đô thị, thương mại, dịch vụ xã V, thành phố T hay khu dân cư V, thành phố T đều là một dự án khu dân cư mới xã V, vì dự án cùng một vị trí, địa điểm, diện tích. Tại mục căn cứ xem xét, thẩm định dự án trình Thủ tướng Chính phủ đồng ý chấp thuận là Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của UBND T về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư V, thành phố T.

5. Về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND thành phố: Không nhất trí với đơn giá bồi thường, hỗ trợ một số hộ dân có đất thu hồi tại dự án có đơn khiếu nại gửi UBND thành phố, theo đơn khiếu nại đề ngày 28/5/2020 và nội dung làm việc ngày 11/6/2020 của Thanh tra thành phố T, bà Hoàng Thị T cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ dân thôn PK, thôn Phúc Thượng, xã V khiếu nại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019, Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T; với lý do: Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng được ban hành trái thẩm quyền; việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng vi phạm khoản 3 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013; quy trình thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng không được công khai, minh bạch, không rõ ràng là dự án Nhà nước thu hồi đất hay tư nhân thu hồi đất.

Xem xét giải quyết khiếu nại của các hộ dân, ngày 03/7/2020, UBND thành phố T có Thông báo số 590/TB-UBND thụ lý giải quyết khiếu nại. Ngày 20/7/2020, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2411/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại (lần đầu) của bà Hoàng Thị T và một số công dân thôn PK, thôn Phúc Thượng, xã V. Ngày 09/7/2020, Chủ tịch UBND thành phố T có Quyết định số 2323/QĐ-UBND ủy quyền cho Phó Chủ tịch UBND thành phố T giải quyết khiếu nại. Ngày 13/8/2020, Chủ tịch UBND thành phố T ký ban hành Quyết định số 1842/QĐ-UBND gia hạn thời gian giải quyết khiếu nại, thời gian gia hạn giải quyết khiếu nại là 15 ngày làm việc, kể từ ngày

13/8/2020. Ngày 08/9/2020, Đoàn xác minh theo Quyết định số 2411/QĐ-UBND ngày 20/7/2020 đã phối hợp với các đơn vị liên quan làm việc và lập Biên bản đối thoại với bà Hoàng Thị T và một số công dân thôn PK, thôn Phúc Thượng, xã V về nội dung giải quyết khiếu nại. Ngày 30/6/2020, Đoàn xác minh có Báo cáo số 03/BC-ĐXM về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Hoàng Thị T và một số công dân thôn PK, thôn Phúc Thượng, xã V. Ngày 17/9/2020, Phó Chủ tịch UBND thành phố T (theo Quyết định ủy quyền số 2323/QĐ-UBND ngày 09/7/2020) đã ký Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Hoàng Thị T và một số công dân thôn PK, thôn Phúc Thượng, xã V, kết luận: giữ nguyên nội dung Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 và Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T.

Việc giải quyết khiếu nại vụ việc nêu trên của Chủ tịch UBND Thành phố là đảm bảo quy định của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Vì các căn cứ nêu trên, Chủ tịch UBND thành phố T, Ủy ban nhân dân thành phố T khẳng định toàn bộ quá trình thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và giải quyết khiếu nại liên quan đến đất thu hồi tại dự án Khu dân cư mới xã V, thành phố T đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, một số công dân xã V khiếu kiện các Quyết định hành chính của UBND thành phố T, UBND tỉnh T là không có căn cứ, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh T xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T trình bày:*

1. Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại (lần hai): Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T thụ lý giải quyết khiếu nại (lần hai) của các công dân đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T

là bảo đảm đúng quy định tại khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011 và khoản 7 Điều 22 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

2. Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần hai): Sau khi nhận đơn khiếu nại của các công dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T thực hiện thụ lý, thông báo cho các công dân và giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T xác minh nội dung khiếu nại; tổ chức đối thoại với các công dân theo quy định trước khi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai). Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần hai) nêu trên bảo đảm theo đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật Khiếu nại; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

3. Về nội dung trong đơn khiếu nại của các công dân: Căn cứ Báo cáo số 322/BC-STNMT ngày 30/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Hoàng Thị T cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ dân thôn PK, thôn Phúc Thượng, xã V, thành phố T đối với Quyết định số 3272/QĐ UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã giải quyết, làm rõ các nội dung trong đơn khiếu nại của các công dân, cụ thể như sau:

Thứ nhất, về nội dung: *"Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T vi phạm thời hạn giải quyết khiếu nại, cụ thể. Thời gian giải quyết khiếu nại vượt 30 ngày so với quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011".*

Trong Quyết định số 520/QĐ-UBND đã nhận định đây là khiếu nại đúng. Tuy nhiên, tồn tại, hạn chế về thời gian giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T không thay đổi bản chất vụ việc là quyền lợi của người dân về các chế độ, chính sách bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đã được đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, về nội dung: *"Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T bác toàn bộ nội dung khiếu nại (lần đầu) của công dân, giữ nguyên các quyết định về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng khu đô thị mới xã V là không phù hợp với quy định của pháp luật;*

- Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 chưa giải quyết chính sách

an sinh cho các hộ dân bị thu hồi đất nông nghiệp từ 1.093m^2 trở lên;

- Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 chưa làm rõ hình thức đầu tư BT của dự án khu dân cư mới xã V".

Trong Quyết định số 520/QĐ-UBND đã nhận định đây là khiếu nại sai, vì các lý do sau:

- Về căn cứ, thẩm quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng: Dự án khu dân cư mới xã V đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án; HĐND tỉnh đưa vào danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, chấp thuận chủ đầu tư theo quy định; Ủy ban nhân dân thành phố T đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Do đó, việc Ủy ban nhân dân thành phố T thực hiện thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án khu dân cư mới xã V là phù hợp với quy định tại Luật Đất đai năm 2013.

- Về trình tự, thủ tục thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án: Ủy ban nhân dân thành phố T thực hiện thu hồi đất, lập, phê duyệt, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án khu dân cư mới xã V đảm bảo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

- Về việc thực hiện chính sách hỗ trợ khác trong công tác giải phóng mặt bằng cho các hộ gia đình cá nhân có đất nông nghiệp tại xã có đất bị thu hồi từ 1.093m^2 trở lên: Ủy ban nhân dân thành phố T đã lập, phê duyệt và thực hiện chi trả tiền hỗ trợ khác cho các hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp tại xã có đất bị thu hồi từ 1.093m^2 trở lên theo đúng Văn bản số 3089/UBND-KTTNMT ngày 29/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Như vậy, việc giải quyết khiếu nại của các công dân xã V, thành phố T, tỉnh T của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T bảo đảm đúng trình tự, thẩm quyền, nội dung theo quy định của pháp luật hiện hành. Việc các công dân xã V, thành phố T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Hoàng Thị T cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn PK, thôn

Phúc Thượng, xã V, thành phố T, tỉnh T đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) là không có cơ sở. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các công dân xã V, thành phố T, trong đó có yêu cầu khởi kiện của ông Trần Mạnh H.

Tại bản án sơ thẩm số 213/2022/HC-ST ngày 30/9/2022, Toà án nhân dân tỉnh T đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; Điều 158, Điều 164; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ các Điều 62, 66, 69, 75, 77, 83, 84, 88, 89, 90, 93, 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ các Điều 18, 21, 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 22, 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Mạnh H về việc:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T;
- Yêu cầu hủy Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu;
- Yêu cầu hủy Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại lần 2.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện là ông Trần Mạnh H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, người khởi kiện là ông Trần Mạnh H trình bày: ông giữ nguyên nội dung khởi kiện, nội dung kháng cáo và các nội dung trình bày trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông và huỷ các Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/206 của Uỷ ban nhân dân thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T; Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần 1) và Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần hai).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật và đơn kháng cáo của người khởi kiện là hợp lệ trong hạn luật định đủ điều kiện xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên tại phiên tòa phúc thẩm đã khẳng định: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của của ông Trần Mạnh H, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự và những người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Mạnh H khởi kiện – yêu cầu hủy Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T, Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) - là các Quyết định hành chính, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa nhân dân tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 05/02/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T ra Quyết định số 520/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần 2); ngày 10/5/2021, bà Hường gửi đơn khởi kiện vụ án hành chính đến Tòa án nhân dân tỉnh T. Như vậy việc khởi kiện của bà Hường còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính, được Tòa án xem xét, thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật.

[1.3] Kháng cáo của bà Trịnh Thị Hường trong hạn luật định, hình thức, nội dung phù hợp với quy định, do vậy được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.4] Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 1/12/2016 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB:

[2.1.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành:

- Về thẩm quyền: Dự án Khu dân cư xã V, thành phố T được UBND tỉnh T phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012; được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013; UBND tỉnh T có Văn bản số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 chấp thuận chủ đầu tư dự án; HĐND tỉnh T có Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Như vậy, dự án khu dân cư mới xã V thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 và Điều 63 Luật Đất đai năm 2013.

Khu vực thu hồi đất để thực hiện dự án có cả đất công ích của xã V và đất của hộ gia đình cá nhân, UBND tỉnh đã ủy quyền cho UBND thành phố quyết định thu hồi đất, phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 là đúng quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013. UBND thành phố ban hành Quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Trần Mạnh H và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

- Về trình tự, thủ tục ban hành: Ngày 05/8/2016, UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND về việc thu hồi đất. Sau đó, trong các ngày 26/8/2016 và 31/8/2016, UBND thành phố T, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T đã ban hành thông báo về việc thu hồi đất, phối hợp với UBND xã V để gửi đến người có đất bị thu hồi, đồng thời niêm yết công khai dự thảo phương án BT, HT, GPMB, tiếp nhận ý kiến và giải đáp thắc mắc của các hộ gia đình, cá nhân về dự thảo phương án BT, HT, GPMB; tổng hợp, hoàn thiện phương án trình các phòng, ban đơn vị liên quan của UBND Thành phố thẩm định.

Ngày 01/12/2016 UBND thành phố T ban hành Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân, trong đó có hộ ông Trần Mạnh H, đúng thời hạn 90 ngày kể từ ngày ra thông báo thu hồi đất theo khoản 1 Điều 67 Luật đất đai 2013. Hộ gia đình ông H không khiếu nại gì đối với quyết định thu hồi đất.

Cùng ngày 01/12/2016, UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 13577/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB để thực hiện dự án. Sau khi phương án BT, HT, GPMB được UBND thành phố T phê duyệt, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã thực hiện việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án, công khai mức BT, HT; đồng thời thông báo Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án BT, HT tới các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi. Như vậy, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 13577/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB là đúng theo quy định tại Điều 69 Luật đất đai 2013.

[2.2.2] Về hình thức và nội dung:

- Về hình thức: theo điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai 2013, UBND cấp có thẩm quyền ra "Quyết định thu hồi đất" và "Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư". Quyết định số 13577/QĐ-UBND được soạn thảo đúng thể thức, Chủ tịch thay mặt UBND thành phố ký và đóng dấu và được Phó chủ tịch UBND thành phố T ký thay, kèm theo phương án chi tiết. Do đó, Quyết định số 13577/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB do UBND thành phố T đã được ban hành đúng hình thức.

- Về nội dung:

Theo phương án bồi thường của UBND thành phố T, gia đình ông H được bồi thường, hỗ trợ 244.090.200 đồng tương đương 69.000.000 đồng/sào. Ngoài ra, hộ ông H còn được hỗ trợ khác 30.000.000 đồng theo Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 3562/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2020 của UBND thành phố T do có đất nông nghiệp bị thu hồi trên 1093m^2, đã được chi trả và không khiếu nại đối với quyết định này.

Như vậy, trong Quyết định số 13577/QĐ-UBND, UBND thành phố T đã đảm bảo chính sách BT, HT khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông H theo đúng quy định tại các Điều 74, 75, 77, 83, 84, 90 Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ về BT, HT, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và các Quyết định, công văn của UBND tỉnh T như đã phân tích nêu trên.

Ý kiến của ông H cho rằng trường hợp này ông được quyền thỏa thuận giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất với Chủ đầu tư dự án là không có căn cứ, vì đây không thuộc trường hợp Chủ đầu tư dự án nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Điều 73 Luật Đất đai năm 2013. Ông H cho rằng việc bồi thường về đất giữa các hộ là khác nhau nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh, các tài liệu trong hồ sơ thể hiện giá đất đền bù theo đúng quy định của Nhà nước.

[2.2.3] Về thời hạn:

Trong các ngày 26/8/2016 và 31/8/2016, UBND thành phố T, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T đã ban hành thông báo về việc thu hồi đất, phối hợp với UBND xã V để gửi đến người có đất bị thu hồi và niêm yết công khai dự thảo phương án BT, HT, GPMB, tiếp nhận ý kiến và giải đáp thắc mắc của các hộ gia đình, cá nhân về dự thảo phương án BT, HT, GPMB; tổng hợp, hoàn thiện phương án trình các phòng, ban đơn vị liên quan của UBND Thành phố thẩm định. Cùng ngày 01/12/2016, UBND thành phố T đã ban hành quyết định số 13554/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 13577/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB là đúng quy định tại khoản 1 Điều 67 và điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai 2013.

[2.2] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND thành phố T:

[2.2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành:

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà Hoàng Thị T cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ dân thôn PK, thôn Phúc Thượng, xã V, thành phố T (trong đó có ông Trần Mạnh H), Chủ tịch UBND thành phố T đã thụ lý khiếu nại, quyết định thành lập đoàn xác minh nội dung khiếu nại, thu thập các tài liệu liên quan và tổ chức đối thoại. Ngày 17/9/2020, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu). Như vậy, về trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố T là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 18, 27, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương về nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND cấp huyện; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông

tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính..

[2.2.2] Về hình thức và nội dung:

- Về hình thức: Quyết định số 3272/QĐ-UBND đã tuân thủ thể thức theo Mẫu số 15-KN. *Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu* ban hành kèm theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ban hành ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ.

- Về nội dung: Quyết định số 3272/QĐ-UBND không chấp nhận yêu cầu của người khiếu nại (trong đó có hộ gia đình ông H) là hợp pháp và có căn cứ như đã phân tích tại mục [2.1].

[2.2.3] Về thời hạn:

Quá trình giải quyết khiếu nại còn vi phạm về thời hạn giải quyết quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người khởi kiện nên không phải là căn cứ để hủy Quyết định số 3272.

[2.3] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 520/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của Chủ tịch UBND tỉnh T:

[2.3.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành:

Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình đã thụ lý khiếu nại lần hai của ông Trần Mạnh H và một số hộ dân thôn PK, Phúc Thượng, xã V, đã giao Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình xác minh khiếu nại và tiến hành đối thoại với người khiếu nại. Ngày 05/02/2021 Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai). Như vậy về trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 21, 36, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 22 Luật Tổ chức chính quyền địa phương về nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND cấp tỉnh; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

[2.3.2] Về nội dung:

- Về hình thức: Quyết định số 520/QĐ-UBND đã tuân thủ thể thức theo Mẫu số 16-KN. *Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai* ban hành kèm theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ban hành ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ.

- Về nội dung: Quyết định số 520/QĐ-UBND đã công nhận và giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại (lần đầu) tại quyết định số 3272/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố T là hợp pháp và có căn cứ.

[2.2.3] Về thời hạn:

Ngày 21/10/2020 các hộ dân đã khiếu nại đối với Quyết định 3272/QĐ-UBND v/v giải quyết khiếu nại lần đầu. Ngày 05/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh T ra Quyết định số 520/QĐ-UBND v/v giải quyết khiếu nại lần 2 của bà Hoàng Thị T cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn PK, thông Phúc Thượng, xã V, thành phố T v/v giải quyết khiếu nại lần đầu, giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố T.

Như vậy, quá trình giải quyết khiếu nại (lần hai) còn vi phạm về thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai quy định tại Điều 37 Luật Khiếu nại nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người khởi kiện nên không phải là căn cứ để hủy Quyết định số 520.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 1/12/2016 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB là hợp pháp, có căn cứ, do đó, quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND thành phố T và Quyết định số 520/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của Chủ tịch UBND tỉnh T là hợp pháp, có căn cứ. Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đề nghị huỷ 13577/QĐ-UBND ngày 1/12/2016 của ông Trần Mạnh H là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm, ông Trần Mạnh H không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới; vì vậy, cần chấp nhận đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, bác kháng cáo của ông Trần Mạnh H, giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Tuy kháng cáo không được chấp nhận nhưng ông H là người cao tuổi đã có đơn đề nghị, nên miễn cho ông H án phí hành chính phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Mạnh H, giữ nguyên toàn bộ quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2022/HC-ST ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

[2]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Án phí: miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tiến